

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-PT
Ngày 01-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Lương Ngọc Dũng

Ông Cao Thành Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **97/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 12 năm 2018** đối với bị cáo Phạm Đình T do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại Nguyễn Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2018/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo kháng cáo:

Phạm Đình T, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1967, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 3/4B đường T, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân T (đã chết) và bà Đỗ Thị D; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự và nhân thân: Tại Bản án số 111 HS/ST ngày 12 tháng 8 năm 1991 bị Tòa án nhân dân quận H xử 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội *Trộm cắp tài sản* (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 25 tháng 3 năm 2018 chuyển tạm giam từ ngày 03 tháng 4 năm 2018; có mặt.

- Bị hại kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn D, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 19/01/2018, Phạm Đình T một mình điều khiển xe mô tô BKS: 16F6 - 4747 đi từ ngã tư T - P về nhà tại số 3/4B T, M, N, Hải Phòng. Về đến khu đất đầu ngõ, thấy phòng bảo vệ vẫn bật đèn sáng, T xuống xe vào mở cửa sổ phòng bảo vệ, thấy ông Nguyễn Văn N (là nhân viên bảo vệ của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ H mới nhận hợp đồng bảo vệ tại khu đất số 4B T, M, N từ ngày 18/01/2018) đang nằm trùm chăn ngủ trong phòng T liền dùng tay vỗ lên bụng ông N nói: “Bảo vệ sao lại ngủ thế này?” Ông N túm giữ tay T lại hỏi: “Anh là ai, sao lại vào đây?” T nói: “Tao là T bộ đội biên phòng, con mẹ Dung nhà ở trong ngõ 4B. Ai cho mày làm ở đây? Mày muốn làm bảo vệ ở đây thì phải nghe lời tao”. Ông N đi ra khỏi phòng bảo vệ và nói: “Anh say rồi, anh ra ngoài đi. Tôi ăn lương của công ty thì chỉ nghe lời của công ty thôi, chứ không nghe ai cả”. Nghe ông N nói vậy, T liền dùng chân trái đá vào đầu gối chân trái của ông N làm ông N ngã khụy xuống. T tiếp tục dùng chân trái đá nhiều nhát vào khu vực mặt ông N. Ông N đưa tay ôm mặt, chống đỡ và nói: “Cho tôi xin, tôi sẽ nghe theo lời anh”. Thấy vậy, T không đánh ông N nữa. Ông N nhờ T dìu vào phòng bảo vệ rồi dùng máu của mình viết lại biển số xe của T tại bậc thềm trước cửa phòng và mượn điện thoại của T để gọi cho con trai là Nguyễn Văn Hùng, khi Hùng nghe máy, ông N chưa kịp thông báo gì thì T lấy lại điện thoại rồi lên xe bỏ đi, ông N nằm trong phòng bảo vệ. Đến khoảng 5 giờ cùng ngày ông N được quần chúng nhân dân phát hiện, đưa đi cấp cứu. Sau khi về nhà cất xe mô tô, T bỏ trốn khỏi địa phương.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 73/2018/TgT ngày 08/02/2018 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng kết luận thương tích của ông Nguyễn Văn N: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do tổn thương mắt phải đã khoét bỏ nhãn cầu là 51%; vết thương mi dưới mắt phải còn ảnh hưởng thẩm mỹ gây nên là 11%; chấn thương phải nhỏ 02 răng cửa hàm dưới bên trái chưa lắp răng giả là 06%; chấn thương vỡ xương bánh chè trái, rách dây chằng bên bánh chè gây nên là 12%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể nạn nhân do các thương tích trên gây nên theo phương pháp cộng lùi làm tròn số là 64%.

Tại Công văn số 63-CV/2018 ngày 15/6/2018 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng trả lời Công văn số 58/CV ngày 13/6/2018 của Cơ quan điều tra Công an quận N: Đối với thương tích tại vùng mặt của nạn nhân có gây biến dạng vùng mặt nạn nhân.

Ngày 23/3/2018, Cơ quan điều tra Công an quận N đã ra Quyết định truy nã số 10 đối với T, ngày 25/3/2018 T đã đến Công an quận N đầu thú, khai báo nội dung sự việc và sau đó đã bồi thường cho người bị hại 20 triệu đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 88/2018/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân quận N đã quyết định: Căn cứ vào b, d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Đình T 10 (mười) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 58.097.000 đồng. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 11 năm 2018, bị hại Nguyễn Văn N kháng có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và trách nhiệm dân sự của bị cáo; yêu cầu Công ty H nơi ông làm việc có trách nhiệm bồi thường. Ngày 30 tháng 11 năm 2018, bị cáo Phạm Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Đình T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và chấp nhận bồi thường thêm theo yêu cầu của người bị hại nên người bị hại rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét; đối với việc rút kháng cáo của người bị hại là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên:

- Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm b, d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và đã bồi thường thêm cho gia đình bị hại 58 triệu đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ mới. Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 150 triệu đồng (đã bồi thường 78 triệu, còn phải bồi thường tiếp 72 triệu đồng) và được bị cáo chấp nhận, nên người bị hại đã rút yêu cầu kháng cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Sửa bản án sơ thẩm; giảm hình phạt cho bị cáo và chấp nhận thỏa thuận; bị cáo phải bồi thường thêm cho người bị hại 72 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi cố ý gây 64% tổn thương cơ thể cho ông N. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm; lời khai của bị hại, người làm chứng; biên bản hiện trường; vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh “Cố ý gây thương tích” theo điểm b, d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

- *Xét cáo của bị cáo và bị hại:*

[2] Đối với hình phạt của bị cáo: Nhìn chung phần nhận định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo là đã đánh giá đúng tính chất vụ án, vai trò, hành vi phạm tội, cũng như xem xét đầy đủ về nhân thân, cũng như các tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Xét thấy mức hình phạt đối với bị cáo là thoả đáng, nhưng tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã tác động với gia đình bồi thường thêm cho gia đình bị hại 58 triệu đồng, đây được coi là tình tiết giảm nhẹ mới. Đồng thời bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận xong về mức bồi thường, người bị hại cũng chấp nhận lời xin lỗi của bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (đây là tình tiết giảm nhẹ mới qui định tại khoản 2 Điều 51 BLHS). Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giảm hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với qui định của pháp luật.

[3] Đối với phần trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 150.000.000 đồng, hiện bị cáo đã nộp 78.000.000 đồng nên còn phải nộp tiếp 72.000.000 đồng; bị cáo chấp nhận nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn lại đang phải đi tù nên hứa sẽ bồi thường sau. Xét thỏa thuận bồi thường thiệt hại tại phiên tòa của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với việc người bị hại đề nghị Công ty H có trách nhiệm bồi thường thì đây là quan hệ Lao động, không liên quan đến vụ án nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến yêu cầu này là có căn cứ, do đó Tòa án cấp phúc thẩm cũng không xem xét, giải quyết.

[5] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giảm mức hình phạt đối với bị cáo và chấp nhận sự thỏa của bị cáo với người bị hại về phần dân sự.

[6] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Đình T;

Căn cứ điểm b, d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Đình T 09 (chín) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25 tháng 3 năm 2018.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 591 của Bộ luật Dân sự, xử: Phạm Đình T phải tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Văn N số tiền 72.000.0000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Phạm Đình T phải nộp 3.600.000 (Ba triệu, sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Các quyết định khác của Bản án số 88/2018/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- Cơ quan THAHS quận N;
- Công an quận N;
- VKSND quận N;
- TAND quận N;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 TANDTC;
- UBND quận N
- PV27 Công an TPHP;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Hạnh